TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN U MINH THƯỢNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **37/2017**/DS-ST
Ngày : 28/7/2017
V/v "*Tranh chấp nợ hụi*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Văn Chính**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trương Hoàng Dân**

2. Ông **Nguyễn Văn Tùng**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Thị Thúy Kiều-** Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng tham gia phiên tòa: Không.

Trong ngày 28 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 49/2017/TLST-DS, ngày 17 tháng 4 năm 2017, về *"Tranh chấp nợ hụi"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2017/QĐXXST-DS, ngày 23 tháng 6 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2017/QĐST-DS ngày 13 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Mai Văn H**, sinh năm 1946. *(có mặt tại phiên tòa)*

Địa chỉ cư trú: Ấp A, xã B, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Bà **Hồ Thị U**, sinh năm 1971 *(có mặt tại phiên tòa)*.

Địa chỉ cư trú: Ấp A, xã B, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Trần Thanh O**, sinh năm 1968 (*chồng bà Hồ Thị U, vắng mặt tại phiên tòa)*.

Địa chỉ cư trú: Ấp A, xã B, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/4/2017, Biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 28/4/2017 và Biên bản hòa giải ngày 28/4/2017; các lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Mai Văn H trình bày:

Ông Mai Văn H có tham gia 01 dây hụi tháng mở ngày 15/4/2015 do bà Hồ Thị U làm chủ hụi. Hụi 2.000.000 đồng/phần, ông H tham gia 02 phần góp được 17 lần thì bà U đình hụi. Số tiền số tiền thực góp phần thứ nhất 8.470.000 đồng *(Tám triệu bốn trăm bảy mươi nghìn đồng)*, phần thứ hai 8.460.000 đồng *(Tám triệu bốn trăm sáu mươi nghìn đồng)*.

Tại phiên tòa ông H yêu cầu bà U trả lại số tiền 16.930.000 đồng *(Mười sáu triệu chín trăm ba mươi nghìn đồng)* và yêu cầu tính lãi theo lãi suất 1,66%/tháng của số tiền trên từ ngày 15/8/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Tại Biên bản hòa giải ngày 28/4/2017; tại phiên tòa và các lời khai tại Tòa án, bị đơn bà Hồ Thị U trình bày:

Bà Hồ Thị U thống nhất với lời trình bày của ông Mai Văn H. Sau khi tuyên bố đình hụi (15/8/2016) bà U còn nợ ông H số tiền thực góp của dây hụi ngày 15/4/2015 là 16.930.000 đồng *(Mười sáu triệu chín trăm ba mươi nghìn đồng)*.

Bà U xác nhận bà U làm chủ hụi nhiều năm ông O đều biết. Số tiền hoa hồng bà U có được từ việc làm chủ hụi, được sử dụng chi tiêu chung trong gia đình. Bà U và ông O cùng kinh doanh làm ăn để tạo thu nhập và cùng sử dụng tài sản chung.

Tại phiên tòa bà U thừa nhận còn nợ ông H số tiền 16.930.000 đồng *(Mười sáu triệu chín trăm ba mươi nghìn đồng)*. Bà U đồng ý trả cho ông H số tiền trên và tiền lãi theo yêu cầu của ông H. Đối với trách nhiệm trả nợ của ông O, yêu cầu Tòa án xem xét theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Thanh O (chồng bà U) vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa, không có lý do chính đáng: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông O như: Thông báo tham gia tố tụng với tư cách là Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa, nhưng ông O cố tình lánh mặt, đồng thời không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của ông H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Thanh O được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai, nhưng ông O vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ

luật tố tụng dân sự năm 2015; Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa nguyên đơn ông Mai Văn H với bị đơn bà Hồ Thị U là "*Tranh chấp nợ hụi*". Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 34, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

[3] Về nội dung: Nguyên đơn ông H khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà U, ông O liên đới trả cho ông H số tiền hụi còn nợ là 16.930.000 đồng *(Mười sáu triệu chín trăm ba mươi nghìn đồng)* và yêu cầu tính lãi theo lãi suất 1,66%/tháng từ ngày 15/8/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Bị đơn bà U thừa nhận còn nợ ông H số tiền 16.930.000 đồng *(Mười sáu triệu chín trăm ba mươi nghìn đồng)*. Bà U đồng ý trả cho ông H số tiền trên và tiền lãi theo yêu cầu của ông H. Đối với trách nhiệm trả nợ của ông O, yêu cầu Tòa án xem xét theo quy định của pháp luật.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông H: Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà U thống nhất với lời trình bày của ông H. Bà U thừa nhận ông H có tham gia dây hụi ngày 15/4/2015 và số tiền hiện tại bà U còn nợ ông H là 16.930.000 đồng *(Mười sáu triệu chín trăm ba mươi nghìn đồng)*.

Giao dịch tổ chức hụi và tham gia chơi hụi là sự tự nguyện thỏa thuận giữa các bên, phù hợp với quy định tại Điều 471 Bộ luật Dân sự 2015 và Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường. Vì vậy việc ông H khởi kiện bà U là có cơ sở.

Tại phiên tòa bà U thống nhất trả số nợ trên cho ông H, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bà U.

[5] Về lãi suất: Trong quá trình tham gia chơi hụi, ông H thực hiện đúng nghĩa vụ của hụi viên, hàng tháng góp hụi đầy đủ cho bà U. Tuy nhiên sau khi bà U đình hụi, không giao trả số tiền hụi thực đóng cho ông H, gây ảnh hưởng đến quyền lợi của ông H. Do đó ông H yêu cầu tính lãi số tiền trên là phù hợp.

Lãi suất các bên thỏa thuận 1,66%/tháng phù hợp với quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015, nên Hội xét xử ghi nhận và làm căn cứ để tính lãi.

Tính lãi từ ngày 15/8/2016 đến ngày 28/7/2017 là: Số tiền 16.930.000 đồng x 11 tháng 13 ngày x 1,66%/tháng = 3.212.000 đồng *(Ba triệu hai trăm mười hai nghìn đồng)*.

Như vậy tổng số tiền bà U phải trả cho ông H là: 16.930.000 đồng + 3.212.000 đồng = 20.142.000 đồng *(Hai mươi triệu một trăm bốn mươi hai nghìn đồng)*.

[6] Về trách nhiệm liên đới trả nợ của ông Trần Thanh O: Tại phiên hòa giải và tại phiên tòa bà U xác nhận bà U làm chủ hụi nhiều năm ông O đều biết. Số tiền hoa hồng bà U có được từ việc làm chủ hụi, được sử dụng chi tiêu chung trong gia đình. Bà U và ông O cùng kinh doanh làm ăn để tạo thu nhập và cùng sử dụng tài sản chung. Tòa án đã tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng choông O, nhưng ông O cố tình lánh mặt, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông H. Căn cứ Điều 27, Điều 30 và Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử thống nhất buộc ông O có trách nhiệm liên đới cùng bà U trả cho ông H số tiền hụi là 20.142.000 đồng *(Hai mươi triệu một trăm bốn mươi hai nghìn đồng)*.

[7] Về án dân phí sơ thẩm: Áp dụng Đều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 6, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Vợ chồng bà U,ông O phải chịu án phí có giá ngạch là 20.142.000 đồng x 5% = 1.007.000 đồng *(Một triệu không trăm lẻ bảy nghìn đồng)*.

Hoàn trả cho ông H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 750.000 đồng *(Bảy trăm năm mươi nghìn đồng)*.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 26, 35, 39, 92, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng Điều 357, Điều 468, Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính Phủ; Điều 27, Điều 30 và Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 6, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Mai Văn H đối với bà Hồ Thị U, về việc *"Tranh chấp nợ hụi"*.

2. Buộc vợ chồng bà Hồ Thị U, ông Trần Thanh O trả cho ông Mai Văn H số tiền hụi là 20.142.000 đồng *(Hai mươi triệu một trăm bốn mươi hai nghìn đồng)*.

Các bên trực tiếp giao nhận tiền hoặc giao nhận tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

Kể từ ngày ông H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà U và ông O chậm trả số tiền nêu trên thì háng tháng bà U, ông O còn phải trả cho ông H số tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng

với thời gian chậm trả.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Buộc vợ chồng bà Hồ Thị U, ông Trần Thanh O phải chịu án phí có giá ngạch là 1.007.000 đồng *(Một triệu không trăm lẻ bảy nghìn đồng)*.

3.2. Hoàn trả cho ông Mai Văn H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 750.000 đồng *(Bảy trăm năm mươi nghìn đồng)* theo lai thu số 0000995 ngày 17/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự"./.

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN– CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *TAND tỉnh Kiên Giang*
- *VKSND huyện U Minh Thượng;*
- *Chi cục THA Dân sự huyện U Minh Thượng;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

Trần Văn Chính